

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quý

Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 243/2018/ TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc: Không công nhận là vợ chồng, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/ 2018/ QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân P - Sinh năm: 1972 “có mặt”

Trú tại: Phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1977 “vắng mặt”

Trú tại: Phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Xuân P trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T tổ chức cưới với nhau vào năm 1997, trên cơ sở tự nguyện. Tuy trong đơn khởi kiện thì anh có ghi vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ nay là phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa nhưng thực tế thì anh chị có đăng ký kết hôn hay không anh không nhớ. Sau khi cưới thì anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và đã sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả.

Nay anh P xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng.

Về con: Anh chị có 02 con chung: Cháu Nguyễn Tám X - SN 1998 (đã thành niên) và cháu Nguyễn Phụng H - SN 29/10/2003. Ly hôn anh xin được nuôi cháu H và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân P tổ chức cưới vào năm 1997 trên cơ sở tự nguyện nhưng có đăng ký kết hôn hay không chị không nhớ. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau như anh P trình bày là đúng. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về con: Anh chị có 02 con chung như anh P trình bày là đúng. Cháu Nguyễn Tám X hiện đã thành niên, còn cháu Nguyễn Phụng H chị đồng ý giao cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo công văn số 15 ngày 24/01/2018 của UBND phường Đ, thành phố Thanh H, tỉnh Thanh Hóa xác nhận qua kiểm tra sổ lưu tại phường không có thông tin về việc đăng ký kết hôn của anh P và chị T.

Tại phiên tòa hôm nay anh P vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

§1i diŉn Viŉn kiŉm sáť ph, t biŉu quan @iŉm giŉi quyŉt vŉ , n. Viŉc tuŉn theo ph, p luŉt tŉ tŉng trong qu, trŉnh giŉi quyŉt vŉ , n cũa Thŉm ph, n vŉ Hŉi @ăng xđt xŉ, viŉc chŉp hŉnh ph, p luŉt cũa đưŉng sŉ kŉ tŉ khi Toŉ , n thŉ lŉ vŉ án cho đŉn trưŉc thŉi @iŉm Hŉi @ăng xđt xŉ nghŉ , n @. tuŉn thŉi @ŉng quy @ŉnh. Về nŉi dung: Đai diŉn VKS đŉ nghŉ Tòa án cũn cũ váo Đŉu 14,15,81,82,83 Luŉt HNGĐ chấť nhậť yŉu cũu cũa cũc đưŉng sŉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiŉn cũu cũc tŉi liŉu cũ trŉng hă sŉ vŉ , n @ưŉc thăm trá tậ phiŉn tŉa, Hŉi @ăng xđt xŉ nhŉn @ŉnh:

1} Về tổ tụng: Tại phiên tòa hôm nay chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh P đề nghị Tòa án tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử căn khoản 1 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt chị T là đúng quy định của pháp luật.

{2} Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Xuân P và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau năm 1997 trên cơ sở tự nguyện nhưng có đăng ký kết hôn hay không anh chị không nhớ. Mặc dù anh chị đều thống nhất ly hôn nhưng theo xác nhận của UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa ngày 24/01/2018 thì qua kiểm tra sổ lưu tại phường không có thông tin về việc đăng ký kết hôn của anh chị. Việc anh chị kết hôn mà không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 luật HNGĐ. Nay anh P có đơn yêu cầu không công nhận anh và chị T là vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ xử không công nhận anh P và chị T là vợ chồng.

- *Về con*: Anh chị có 2 con chung: Nguyễn Tám X - SN 1998 (đã thành niên) và cháu Nguyễn Phụng H - SN 29/10/2003. Anh chị thống nhất giao cháu H cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Việc thỏa thuận nuôi con của anh chị phù hợp với nguyện vọng của cháu H và của pháp luật nên chấp nhận thỏa thuận của anh chị.

- *Về tài sản, công nợ*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

{3} VÒ Ứn phứ: Cởn cơ kỏn 4 Sứu 147 cũa BLTTDS; đứm a kỏn 5 Đứu 27 Nghứ Quyết số 326/2016/UBTVQH14 cũa Ủy ban thừng vụ Quốc Hứi quy đứnh về án phứ lệ phứ Tờa án, anh P phứi chừu án phứ dân sự sơ thẳm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Ứp đứng: Kỏn 1 Đứu 9; Đứu 14, Đứu 15, kỏn 2 Sứu 53, Đứu 81, 82, 83 Luật HNGĐ; kỏn 4 Đứu 147, kỏn 1 Đứu 228, kỏn 1 Đứu 273 BLTTDS; đứm a kỏn 5 Đứu 27 Nghứ Quyết số 326/2016/UBTVQH14 cũa Ủy ban thừng vụ Quốc Hứi quy đứnh về án phứ lệ phứ Tờa án;

VÒ h«n nh«n: Không công nhận anh Nguyễn Xuân P và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng.

Về con: Công nhận cháu Nguyễn Tám X - SN 1998 (đã thành niên) và cháu Nguyễn Phụng H - SN 29/10/2003 là con chung của anh P và chị T. Giao cháu Nguyễn Phụng H cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị T có quyền thăm non con chung không ai được cản trở.

VÒ tứi sứn vụ c«ng nứ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ứn phứ: Anh Nguyễn Xuân P phải nộp 300.000@ Ứn phứ hôn nhân s- thẳm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phứ 300.000@ anh @- nứp theo bi«n

lai sè 0005274 ngày 28/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố
Thanh Hóa (anh P đã nộp đủ án phí).

Anh Nguyễn Xuân P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ
ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày
kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA- TPTH;
- Lưu hồ sơ .

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quý Nguyễn Thị Hiền

Trần Thị Thủy

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA- TPTH;
- Lưu hồ sơ .

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thủy